

XUÂN THỊ NGUYỆT HÀ

MODULE TH

14

**THỰC HÀNH THIẾT KẾ
KẾ HOẠCH BÀI HỌC
THEO HƯỚNG DẠY HỌC
TÍCH CỰC**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Dựa trên các kĩ năng lập kế hoạch bài học đã có ở module TH 13 (*Kĩ năng lập kế hoạch bài học theo hướng dạy học tích cực*), module này giúp người học thực hành thiết kế kế hoạch bài học phù hợp với loại bài học, điều kiện dạy học và đối tượng học sinh tiểu học.

Khi học Module TH 14, học viên cần có các tài liệu tham khảo cần thiết.

Tài liệu *Thực hành thiết kế kế hoạch bài học theo hướng dạy học tích cực* được biên soạn theo Chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên tiểu học (ban hành theo Thông tư số 32/2011/TT-BGDĐT ngày 08/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) nhằm giúp giáo viên tiểu học vận dụng được cơ sở lí luận vào thiết kế kế hoạch bài học theo hướng dạy học tích cực.

Module TH 14 gồm có các nội dung sau:

- Thực hành thiết kế kế hoạch bài học cho bài hình thành kiến thức mới theo hướng dạy học tích cực.
- Thực hành thiết kế kế hoạch bài học cho bài thực hành theo hướng dạy học tích cực.
- Thực hành thiết kế kế hoạch bài học cho bài ôn tập theo hướng dạy học tích cực.

Module trình bày dưới hình thức tự học với sự hỗ trợ của các phương tiện dạy học và sự hợp tác của các bạn cùng học. Người học phát huy tính tích cực của mình trong hoạt động nhận thức: đọc, suy nghĩ, ghi nhớ, liên hệ với những hiểu biết đã có, vận dụng. Module được biên soạn trên cơ sở vừa cung cấp thông tin, vừa tổ chức cho người học hoạt động để tự mình chiếm lĩnh kiến thức. Module như “người hướng dẫn” học tập và yêu cầu người học tiến hành các hoạt động như:

- Suy nghĩ và phân tích về một vấn đề gì đó.

- Thảo luận với bạn cùng học.
- Liên hệ điều đã học với thực tiễn.
- Tự kiểm tra, đánh giá.
- Viết một bài thu hoạch sau khi học.

Thông tin phản hồi sau hoạt động giúp người học đánh giá kết quả hoạt động của mình và hoàn thiện một cách chính xác, khoa học kiến thức thu nhận được qua hoạt động. Việc kiểm chứng kết quả học tập của học sinh được phản ánh qua thông tin phản hồi.

Thông tin nguồn (nếu có thì ở trước hoạt động) là những kiến thức mới cần được trang bị trước khi học sinh tham gia hoạt động.



B. MỤC TIÊU

Tài liệu giúp người học có khả năng:

- Thiết kế kế hoạch bài học cho bài hình thành kiến thức mới và tổ chức dạy học loại bài học này theo hướng dạy học tích cực.
- Thiết kế kế hoạch bài học cho bài thực hành và tổ chức dạy học loại bài học này theo hướng dạy học tích cực.
- Thiết kế kế hoạch bài học cho bài ôn tập và tổ chức dạy học loại bài học này theo hướng dạy học tích cực.



C. NỘI DUNG

Nội dung 1

THỰC HÀNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI HỌC CHO BÀI HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI THEO HƯỚNG DẠY HỌC TÍCH CỰC

Hoạt động 1. Phân tích kế hoạch bài học của bài hình thành kiến thức mới theo hướng dạy học tích cực

I. NHIỆM VỤ

Dưới đây là một số kế hoạch bài học cho bài hình thành kiến thức mới.

Bạn hãy nghiên cứu kĩ một trong số kế hoạch bài học này và đưa ra nhận xét của mình theo các yêu cầu sau:

- + Mục tiêu bài học.
- + Đồ dùng dạy học.
- + Các hoạt động dạy học.

Bạn có thể trao đổi với các bạn đồng nghiệp những ý kiến của mình.

(Thời gian dành cho hoạt động này khoảng 30 phút)

Dưới đây là một vài ví dụ minh họa:

Môn Tiếng Việt (Lớp 1)

HỌC VẤN

Bài 47. EN, ÊN (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, học sinh có khả năng:

- Nhận biết được vần mới *en, ên*.
- Đọc được: vần *en, ên*, tiếng *sen, nhện*; từ và các câu ứng dụng.
- Viết được: *en, ên, lá sen, con nhện*.
- Nói được 2 – 4 câu theo chủ đề: *bên phải, bên trái, bên trên, bên dưới*.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bộ chữ *Học vẫn thực hành* và bộ chữ *Học vẫn biểu diễn*.
- Thẻ chữ và bảng nhóm:
- + 4 bộ thẻ từ ngữ và 4 bảng nhóm:
Mỗi bộ thẻ từ ngữ gồm 6 thẻ: *con chồn, món mỗn, con mua, sơn ca, bện rện, bơi lội*.
- Mỗi bảng nhóm được chia thành hai cột, có ghi sẵn vần *ôn* hoặc vần *on* ở mỗi cột.
- + Các thẻ: *en, ên, lá sen, con nhện, áo len, khen ngợi, mũi tên, nền nhà*.
- Bảng phụ chép sẵn bài đọc ứng dụng (bài 46 và bài 47).
- Tranh:
- + Tranh: *lá sen, con nhện*, tranh cho bài đọc ứng dụng (như trong SGK *Tiếng Việt 1 – tập 1*, trang 96, 97).
- + Tranh cho bài luyện nói (để thực hành): như trong SGK *Tiếng Việt 1 – tập 1*, trang 97.
- Vật thật (nếu có): hộp phấn, lọ hoa... (để thực hành luyện nói).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1

Hoạt động 1. Khởi động.

Tổ chức trò chơi ôn luyện “Ai nhanh, ai đúng”?

1. Chuẩn bị

- Chia lớp thành 4 nhóm.
- GIÁO VIÊN phát cho mỗi nhóm:
- + 1 bộ gồm 6 thẻ từ ngữ: *con chồn, món mỗn, con mua, sơn ca, bện rện, bơi lội*.
- + 1 bảng nhóm chia thành hai cột, có ghi sẵn vần *ôn* hoặc vần *on* ở mỗi cột.

2. Tổ chức trò chơi

- Các nhóm đọc và thảo luận:
- + Chia các thẻ từ ngữ thành 2 nhóm: thẻ có vần *ôn* và thẻ có vần *ơn*.
- + Dán mỗi thẻ từ ngữ vào cột phù hợp với vần ghi sẵn trên bảng nhóm.
- Khi có hiệu lệnh, các nhóm cử 4 học sinh dán bảng nhóm lên bảng lớp.

3. Đánh giá

Mỗi nhóm cử 1 bạn cùng giáo viên nhận xét, đánh giá theo luật chơi.

(Mỗi thẻ từ ngữ dán đúng được 1 điểm. Nhóm được nhiều điểm nhất là nhóm thắng cuộc.)

Hoạt động 2. Hướng dẫn học sinh ôn luyện bài 46.

1. Đọc lại vần, tiếng, từ

- Dán lên bảng các thẻ chữ: *ôn, ơn, ôn bài, số bốn, cơn mưa...*
- Yêu cầu học sinh đọc các chữ trên bảng.

2. Đọc lại bài ứng dụng

- Dán lên bảng bài đọc ứng dụng: *Sau cơn mưa, cá nhà cá bơi đi bơi lại rộn rộ.*
- Yêu cầu học sinh đọc bài trên bảng.

Hoạt động 3. Giới thiệu bài.

1. Giới thiệu vần en

- Yêu cầu học sinh lấy trong bộ chữ *Học vần thực hành* chữ e, chữ n và ghép e đứng trước, n đứng sau.
- Giáo viên hỏi: Các em vừa ghép được vần gì? (Đây là câu hỏi tạo tình huống, có thể học sinh không trả lời được.)
- Giáo viên giới thiệu: Các em vừa ghép được vần en. (Dán lên bảng thẻ chữ en.)

2. Giới thiệu vần ên (tương tự như giới thiệu vần en)

Giáo viên giới thiệu khái quát: Hôm nay, chúng ta sẽ học hai vần mới *en, ên*.

Hoạt động 4. Hướng dẫn học sinh nhận biết vần, ghép và đọc tiếng, từ mới.

1. Hướng dẫn học sinh nhận biết vần en, ghép và đọc tiếng sen, từ khoá lá sen

a. Hướng dẫn học sinh nhận biết, ghép và đọc vần “en”

- Dán thẻ vần *en* lên bảng.
- Hỏi: Vần *en* có âm nào đứng trước, âm nào đứng sau?
- Đánh vần và đọc mẫu, yêu cầu học sinh làm theo: *e-nờ-en/en*.
- Yêu cầu học sinh ghép vần *en*, giơ thẻ và đọc.

(Giáo viên giúp những em ghép sai hoặc đọc sai sửa lại cho đúng.)

b. Hướng dẫn học sinh đọc và phân tích tiếng “sen”

- Dán tranh lá sen lên bảng, chỉ tranh (hoặc cho học sinh xem lá sen), hỏi: Đây là cái gì?
- Giới thiệu: Tiếng Việt gọi là lá sen. (Dán thẻ lá sen lên bảng)
- Hỏi: Tiếng nào có vần *en*?
- Giới thiệu: Tiếng *sen* có vần *en*.
- Hỏi: Ta cần thêm âm nào vào trước *en* để có tiếng *sen*?
- Yêu cầu học sinh lấy *s*, ghép với *en* để có tiếng *sen*.
- Yêu cầu học sinh giơ thẻ và đánh vần tiếng *sen* (*sờ-en-sen/sen*).

(Giúp những em ghép sai hoặc đọc sai sửa lại cho đúng.)

- Dán lên bảng thẻ chữ *sen*, hỏi: Tiếng *sen* gồm có âm, vần và thanh nào?
- Đánh vần và đọc mẫu, yêu cầu học sinh làm theo: *sờ-en-sen/sen*.

(HS đánh vần và đọc đồng thanh, cá nhân.)

c. Hướng dẫn học sinh đọc từ khoá “lá sen”

- Gọi một số học sinh đọc *lá sen*, sửa phát âm cho các em.
- Hỏi: Trong từ *lá sen*, tiếng nào có vần *en*?

d. *Hướng dẫn học sinh luyện đọc lại vần mới, tiếng khoá, từ khoá*

Chỉ bảng, đọc mẫu cho học sinh đọc theo nhiều trật tự khác nhau: *lá sen, sen, en/en, sen, lá sen...*

2. *Hướng dẫn học sinh nhận biết vần ên, ghép và đọc tiếng nhện, từ khoá con nhện (Thực hiện tương tự như khi dạy vần en.)*

Chú ý hướng dẫn học sinh nêu điểm giống và khác nhau giữa vần ên và vần en.

Hoạt động 5: Thực hành.

1. *Hướng dẫn học sinh đọc và tìm hiểu nghĩa của từ ứng dụng*

a. *Hướng dẫn đọc từ ứng dụng*

- Dán lên bảng các thẻ chữ *áo len, khen ngợi, mũi tên, nền nhà.*
- Yêu cầu học sinh đọc các từ ngữ trên bảng (cá nhân, nhóm, cả lớp).
- Gọi một số học sinh đọc, sửa phát âm cho các em.

b. *Giải nghĩa từ ứng dụng (nếu cần thiết)*

(Sau khi giải nghĩa từ, hướng dẫn học sinh đọc đồng thanh, đọc cá nhân)

c. *Hướng dẫn học sinh tìm và luyện đọc từ ngữ ứng dụng chứa tiếng cô vần “en”, vần “ên”*

* *Hướng dẫn học sinh tìm và luyện đọc từ ngữ ứng dụng chứa tiếng cô vần en:*

- *Hỏi: Từ nào chứa tiếng cô vần en?*
- *Tiếng nào có vần en?*
- *Yêu cầu học sinh đánh vần các tiếng len, khen.*

(HS đánh vần cá nhân hoặc theo nhóm 2: *lờ-en-len/len; khờ-en-khen/khen.*)

- *Chỉ bảng, đánh vần và đọc mẫu cho học sinh đọc theo: áo len, khen ngợi (lờ-en-len/len /áo len; khờ-en-khen/khen/khen ngợi).*

* *Hướng dẫn học sinh tìm và luyện đọc từ ngữ ứng dụng chứa tiếng cô vần ên:*

(Làm tương tự như khi hướng dẫn tìm và luyện đọc từ ngữ ứng dụng chứa tiếng cô vần en).

2. Hướng dẫn học sinh tập viết

a. Hướng dẫn học sinh tập viết trên bảng con

* Viết mẫu, hướng dẫn cách viết chữ *en, sen*:

+ Gắn thẻ chữ *en* lên bảng:

+ Để chữ *en* trên thẻ bằng thước, kết hợp hướng dẫn quy trình viết.

+ Viết chữ *en* lên bảng lớp trên khung ô li phóng to và hướng dẫn quy trình viết, chú ý điểm bắt đầu, điểm kết thúc, cách nối chữ cái *e* và chữ cái *n*...

+ Hướng dẫn học sinh viết chữ *en* vào bảng con.

+ Làm hiệu cho học sinh giờ bảng, nhận xét, giúp học sinh sửa những chữ chưa đúng.

– Viết mẫu, hướng dẫn cách viết chữ *sen*:

(Các bước thực hiện như khi hướng dẫn viết chữ *en*. Chú ý hướng dẫn cách nối các chữ cái *s – e – n*).

* Viết mẫu, hướng dẫn cách viết chữ các chữ *ên, nh ệ n*

(Các bước thực hiện như khi hướng dẫn viết các chữ *en, sen*. Chú ý hướng dẫn cách nối các chữ cái *n – h – e – n*, cách viết dấu phụ của *ê* và cách viết dấu *nặng*.)

b. Hướng dẫn học sinh tập viết trên vở

Hướng dẫn học sinh tập viết trên vở *Tập viết* theo Chuẩn kiến thức, kỹ năng.

(Nhắc học sinh chú ý điểm đặt bút và điểm dừng bút, khoảng cách giữa các chữ.)

Tiết 2

Hoạt động 5: Thực hành (tiếp).

3. Hướng dẫn học sinh luyện đọc lại vần, tiếng, từ khoá, từ ứng dụng đã học

– Hỏi: Tiết trước, chúng ta học những vần mới nào?

– Yêu cầu học sinh đọc các chữ trên bảng theo nhóm 4.

– Giáo viên chỉ chữ trên bảng không theo trật tự cố định cho học sinh đọc.

4. Hướng dẫn học sinh đọc bài ứng dụng

a. Giới thiệu bài đọc

- Giới thiệu bài đọc và dán lên bảng bài đọc ứng dụng.
- Chỉ bảng, đọc mẫu toàn bài đọc: *Nhà Đế Mèn ở bãi cỏ non. Nhà Sên ở trên tàu lá chuối.*

b. Hướng dẫn đọc bài ứng dụng

- Chỉ bảng cho học sinh đọc đồng thanh từng dòng, sau đó đọc cả bài đọc ứng dụng.
- Hướng dẫn học sinh đọc bài ở trang 97 trong SGK (Học sinh đọc theo nhóm 2).
- Chỉ định hoặc cho học sinh xung phong đọc bài trước lớp.
- Hỏi:
 - + Tiếng nào trong bài có vần *vừa học*?
 - + Tiếng nào có vần *en*?
 - + Tiếng nào có vần *ên*?
- Yêu cầu học sinh đánh vần các tiếng *mèn, sên, trên*.
- Yêu cầu học sinh đọc bài trên bảng lớp.

(Gọi học sinh đọc cá nhân, sửa lỗi phát âm cho các em.)

5. Hướng dẫn luyện nói

a. Giới thiệu bài luyện nói

b. Hướng dẫn học sinh luyện nói theo chủ đề

* Hướng dẫn học sinh luyện nói theo tranh:

- Dán tranh lên bảng.
- Yêu cầu học sinh xem tranh và nghe giáo viên cùng 1 học sinh hỏi – đáp (mẫu).

Ví dụ: giáo viên hỏi – học sinh đáp (sau đó đổi vai):

- + Con mèo đứng ở đâu? – Con mèo đứng ở trên bàn.
- + Con chó đứng ở đâu? – Con chó đứng ở dưới bàn.

- + Cái ghế ở phía nào? – Cái ghế ở bên phải bàn.
- + Quả bóng ở phía nào? – Quả bóng ở bên trái bàn.
- Hướng dẫn học sinh tập hỏi – đáp trong nhóm 2, sau đó gọi một số cặp học sinh hỏi – đáp trước lớp.)
- * Hướng dẫn học sinh luyện nói mở rộng (với trình độ học sinh khá – giỏi).
Ví dụ: Em viết bằng tay nào? /Bạn nào ngồi phía bên phải em? /Bạn nào ngồi phía bên trái em?...
- * Khen ngợi, động viên những học sinh hăng hái phát biểu, trả lời nhanh và đúng.

Hoạt động 6: Củng cố, ứng dụng.

1. Củng cố

- Hỏi học sinh:
- + Hôm nay, chúng ta học những vần mới nào?
- + Vần *en* gồm những âm nào? Âm nào đứng trước, âm nào đứng sau?
- + Vần *ên* gồm những âm nào? Âm nào đứng trước âm nào đứng sau?
- Yêu cầu học sinh tìm thêm tiếng có vần *en* và tiếng có vần *ên*.

2. Ứng dụng

Tổ chức trò chơi: “Nhanh mắt, tinh ý”.

- Chuẩn bị một số đồ vật: hộp phấn, lọ hoa.
- Đặt lọ hoa giữa bàn. Đặt hộp phấn vào các vị trí (bên phải, bên trái của lọ hoa).
- Giáo viên hỏi về vị trí của hộp phấn và của lọ hoa, gọi học sinh xung phong trả lời nhanh.

Môn Toán (Lớp 1)

Tuần 20

PHÉP CỘNG DẠNG $14 + 3$

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, học sinh có khả năng:

- Biết đặt tính và thực hiện tính cộng (không nhớ) trong phạm vi 20.
- Biết cộng nhẩm mười mấy cộng với một số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Bảng phụ ghi bài tập sau:

Bài 1. Viết các số thích hợp vào chỗ chấm:

Số 13 gồm chục và đơn vị. Số 10 gồm chục và đơn vị.

Số 14 gồm chục và đơn vị. Số 20 gồm chục và đơn vị.

Thẻ chục que tính và các que tính rời, bảng cài.

Bài 2. Viết các số từ 10 đến 20 rồi đọc các số đó.

- Học sinh: Bó chục que tính và các que tính rời (có thể thay bằng lá cây, viên sỏi, hạt quả khô...).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động 1: Khởi động.

Củng cố cách đọc, viết các số từ 10 đến 20 và cấu tạo số.

- Giáo viên treo bảng phụ, yêu cầu học sinh đọc và làm vào vở nháp.
- Giáo viên kiểm tra dưới lớp, chỉ định 1 học sinh lên bảng làm.
- Nhận xét, chữa bài. Gọi 2 học sinh đọc lại các số từ 10 đến 20.

Hoạt động 2: Giới thiệu cách làm tính cộng dạng $14 + 3$.

Phép cộng dạng $14 + 3$ được thực hiện nhờ áp dụng kết quả phép cộng trong phạm vi 10 và qua thao tác *gộp* thẻ (bó) chục và *gộp* các que tính rời. Có thể thực hiện qua 2 bước sau:

Bước 1. Học sinh thao tác trên que tính tìm kết quả.

- Học sinh lấy ra 14 que tính (gồm 1 bó chục que tính và 4 que tính rời) đặt lên bàn, lấy tiếp 3 que tính đặt lên bàn (Trong khi học sinh làm, giáo viên vẽ lên bảng cột chục và cột đơn vị như ở SGK).
- Học sinh trả lời câu hỏi: Đã lấy ra tất cả bao nhiêu que tính? (Học sinh: 17 que tính).
- Học sinh nêu cách làm để đi đến kết luận: Để có 17, ta đã thực hiện phép cộng $14 + 3$ (*gộp* 4 que tính với 3 que tính được 7 que tính. Vậy ta có 1 bó chục que tính và 7 que tính rời. Tất cả là 17 que tính).

Bước 2. Hình thành kĩ thuật tính cộng.

- Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát lên bảng.
- Giáo viên vừa nói, vừa làm: Lúc đầu, chúng ta lấy ra 14 que tính, tức là lấy ra 1 chục que tính và 4 que tính rời (cài thẻ 1 chục và 4 que tính rời lên bảng cài).
- Tiếp theo, giáo viên dùng thước chỉ, vừa trình bày vừa viết: có 1 chục, ta viết 1 ở cột chục, có 4 que tính hay 4 đơn vị, ta viết 4 ở cột đơn vị. Lần sau, ta lấy 3 que tính (cài 3 que tính phía dưới 4 que tính), ta viết tiếp 3 ở cột đơn vị (Giáo viên viết xong số 3 thì gạch ngang phía dưới giống như trong SGK).
- Giáo viên vừa nói vừa dùng thước chỉ vào bảng cài: Muốn biết tất cả có bao nhiêu que tính, ta có thể gộp 4 que tính với 3 que tính bằng 7 que tính, 4 cộng 3 bằng 7 (Giáo viên viết 7 vào cột đơn vị dưới số 3). Có 1 chục để nguyên, ta viết 1 ở cột chục (Giáo viên viết vào bảng). Như vậy, 14 cộng 3 bằng 17. Theo cách đó, ta đặt tính và tính.
- Giáo viên hướng dẫn cách đặt tính rồi tính như trong SGK.

Hoạt động 3: Thực hành (Qua các bài tập 1, 2, 3 SGK trang 108).

Bài 1 (HS làm việc cá nhân)

- Giáo viên viết lên bảng và hướng dẫn học sinh viết vào vở ô li dãy tính ở dòng 1.
- HS tự làm bài. Giáo viên kiểm tra, giúp đỡ học sinh yếu. Chỉ định 1 học sinh lên bảng làm.
- Giáo viên nhận xét, chữa bài. Lưu ý cách đặt tính và ghi kết quả.

Bài 2 (Học sinh làm việc cá nhân)

- Học sinh tự đọc và tính (nhẩm), viết vào vở ô li.
- Giáo viên viết đề bài rồi kiểm tra học sinh dưới lớp. Chỉ định 3 học sinh lên bảng làm.
- Giáo viên nhận xét, chữa bài.

Bài 3 (Học sinh làm việc nhóm đôi)

- 1 học sinh nêu yêu cầu của bài.
- HS thảo luận trong nhóm: giải thích mẫu và tìm số thích hợp (ghi ra vở nháp). Giáo viên ghi bài tập 3 lên bảng.

- Giáo viên kiểm tra, giúp đỡ các nhóm. Chỉ định 2 học sinh ở 2 nhóm lên bảng điền số.
- Giáo viên nhận xét, chữa bài.

Hoạt động 4: Củng cố.

- 1 học sinh nêu lại cách đặt tính $14 + 3$ và cách tính.
- Giáo viên nhận xét và chốt lại các ý chính: đơn vị thẳng cột với đơn vị, chục thẳng cột với chục, thực hiện tính từ phải qua trái.
- Giáo viên nhận xét toàn bài.

Hoạt động 5: Ứng dụng.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh nhiệm vụ ở nhà: Em đó bố (ông, bà, anh, chị, người lớn tuổi,...) “Có một gói kẹo, mẹ lấy ra 14 cái kẹo, sau đó mẹ lấy thêm 3 cái kẹo. Hỏi mẹ đã lấy ra tất cả mấy cái kẹo?”.

(Giáo viên hai ý: Có thể sử dụng lá cây, viên sỏi, hạt quả khô... thay cho que tính ở hoạt động giới thiệu cách làm tính cộng dạng $14 + 3$).

Môn Khoa học (Lớp 4)

Bài 45. ÁNH SÁNG

I. MỤC TIÊU

Sau bài học xong bài này, học sinh có khả năng:

- Phân biệt được vật nào tự phát sáng và vật nào được chiếu sáng.
- Làm thí nghiệm để xác định vật nào cho ánh sáng truyền qua hoặc không truyền qua.
- Nêu ví dụ hoặc làm thí nghiệm để chứng tỏ ánh sáng truyền theo đường thẳng.
- Nêu ví dụ và làm thí nghiệm để chứng tỏ mắt chỉ nhìn thấy một vật khi có ánh sáng từ vật đó tới mắt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hộp thí nghiệm “Vai trò của ánh sáng” như hình 4 SGK, kèm theo đèn pin.
- Tấm kính (nhựa) trong; tấm kính (nhựa) mờ...

- Tấm bìa cứng có khe hở như hình 3 trang 90 SGK, 1 tờ giấy trắng.
Học sinh chuẩn bị theo nhóm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động 1: Thảo luận nhóm tìm hiểu các vật tự phát ra ánh sáng và các vật được chiếu sáng.

1. Mục tiêu

Phân biệt được các vật tự phát sáng và các vật được chiếu sáng.

2. Cách tiến hành

Bước 1: Học sinh thảo luận nhóm (4 – 6 học sinh):

- Quan sát hình 1, 2 trang 90 SGK và thảo luận xem vật nào tự phát sáng, vật nào được chiếu sáng.
- Hoặc cho học sinh liên hệ thực tế cuộc sống dựa vào kinh nghiệm đã có.

Bước 2: Các nhóm báo cáo trước lớp.

3. Kết luận

- * *Hình 1:* Ban ngày.
 - Vật tự phát sáng: Mặt Trời.
 - Vật được chiếu sáng: gương, bàn ghế...
- * *Hình 2:* Ban đêm.
 - Vật tự phát sáng: ngọn đèn điện.
 - Vật được chiếu sáng: Mặt Trăng sáng là do được Mặt Trời chiếu sáng, cái gương, bàn ghế... được đèn chiếu sáng và được cả ánh sáng phản chiếu từ Mặt Trăng chiếu sáng.

Hoạt động 2: Tìm hiểu về đường truyền của ánh sáng.

1. Mục tiêu

Học sinh thấy được ánh sáng truyền qua đường thẳng.

2. Cách tiến hành

Bước 1: Trò chơi “Dự đoán đường truyền của ánh sáng”.

- Gọi 3, 4 học sinh cùng lên đứng trước lớp ở các vị trí khác nhau.
- Giáo viên hoặc một học sinh hướng đèn tới một trong các học sinh đó (chưa bật, không chiếu vào mắt).
- Giáo viên yêu cầu học sinh ở dưới lớp dự đoán khi bật đèn thì ánh sáng sẽ chiếu vào bạn nào?
- Sau đó bật đèn, học sinh so sánh dự đoán với kết quả thí nghiệm. Giáo viên có thể yêu cầu học sinh đưa ra giải thích của mình (Vì sao lại có kết quả như vậy?).

Bước 2: Làm thí nghiệm như hình 3 trang 90 SGK theo nhóm.

- Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát hình 3 và hướng dẫn học sinh đặt thí nghiệm tương tự.
- HS dự đoán đường truyền của ánh sáng qua khe, có thể cho từng học sinh dùng bút để vẽ dự đoán của mình. (Chú ý: Khi đặt thí nghiệm và quan sát, phải đứng dậy để có thể nhìn được cả phía đặt đèn pin và phía bên kia).
- Sau đó bật đèn và quan sát để so sánh kết quả với dự đoán.
- Các nhóm trình bày kết quả.

3. Kết luận

Ánh sáng truyền theo đường thẳng.

Hoạt động 3: Tìm hiểu sự truyền ánh sáng qua các vật.

1. Mục tiêu

Biết làm thí nghiệm để xác định các vật cho ánh sáng truyền qua và không cho ánh sáng truyền qua.

2. Cách tiến hành

HS tiến hành thí nghiệm 2 trang 91 SGK theo nhóm. Chú ý che tối phòng học trong khi tiến hành thí nghiệm.

* Phương án 1:

- Với các đồ dùng đã chuẩn bị (một tấm bìa; quyển vở; tấm thủy tinh hoặc nhựa trong, mờ...; đèn pin), các nhóm bàn với nhau xem làm cách

nào để biết vật nào cho ánh sáng truyền qua, vật nào không cho ánh sáng truyền qua.

- HS tiến hành làm thí nghiệm như đã bàn.
- Ghi lại nhận xét, kết quả.
- Giáo viên có thể gợi ý cho học sinh ghi lại kết quả theo bảng sau:

Các vật cho gần như toàn bộ ánh sáng đi qua	Các vật chỉ cho một phần ánh sáng đi qua	Các vật không cho ánh sáng đi qua
...

- * Phương án 2: Giáo viên hướng dẫn học sinh cách làm thí nghiệm như sau:
 - Đặt 1 tấm bìa làm màn, đặt vật cần tìm hiểu ở phía trước màn.
 - Chiếu đèn pin vào vật cần tìm hiểu.
 - So sánh kết quả quan sát được trên màn khi chặn vật và khi chưa chặn vật để rút ra được nhận xét.
 - Ghi lại kết quả vào bảng (như bảng trên).
- * Sau đó, có thể cho học sinh nêu các ví dụ ứng dụng liên quan (việc sử dụng cửa kính trong, cửa kính mờ, cửa gỗ...).

Hoạt động 4: Tìm hiểu mắt nhìn thấy vật khi nào.

1. Mục tiêu

Nêu ví dụ và làm thí nghiệm để chứng tỏ mắt chỉ nhìn thấy một vật khi có ánh sáng truyền từ vật đó đi tới mắt.

2. Cách tiến hành

- * *Bước 1:* Giáo viên đặt vấn đề: Mắt ta nhìn thấy vật khi nào?
 - HS có thể đưa ra các ý kiến khác nhau (có ánh sáng, mắt không bị chắn...).Tiến hành thí nghiệm như hình 4 trang 91 SGK:
- Giáo viên yêu cầu học sinh dựa vào kinh nghiệm, hiểu biết sẵn có để đưa ra các dự đoán; sau đó, tiến hành thí nghiệm để so sánh kết quả với dự đoán và rút ra kết luận.

- HS ghi kết quả vào bảng sau:

Các bước tiến hành thí nghiệm	Mắt có nhìn thấy vật không?		Kết luận (Mắt nhìn thấy vật khi nào?)
	Dự đoán	Kết quả thí nghiệm	
1. Chưa bật đèn trong hộp			
2. Bật đèn trong hộp			
3. Đèn trong hộp vẫn sáng, chắn mắt bằng một cuốn vở			

- Sau bước 2, có thể cho học sinh tạm dừng để rút ra kết luận: *Mắt nhìn thấy vật khi có ánh sáng.*
- HS dự đoán và làm xong bước 3, giáo viên có thể gợi ý: *Cuốn vở có cho ánh sáng truyền qua không? (HS đã biết qua thí nghiệm 2 trang 91 SGK). Như vậy không có ánh sáng từ vật đó truyền vào mắt ta thì ta không nhìn thấy vật.*

Lưu ý: Nếu không có hộp thí nghiệm “Vai trò của ánh sáng” như hình 91 SGK, giáo viên có thể cho học sinh dùng bìa hoặc giấy che kín ngăn bàn, chỉ để hở một khe nhỏ.

- * *Bước 2:* Các nhóm trình bày kết quả và thảo luận chung.

3. Kết luận

Như mục trang 91 SGK: *Ta chỉ nhìn thấy vật khi có ánh sáng từ vật đó truyền vào mắt ta.*

- Giáo viên lưu ý: Ngoài ra, để nhìn rõ một vật nào đó, còn phải lưu ý tới kích thước của vật và khoảng cách từ vật tới mắt.

4. Củng cố

- HS tìm các ví dụ về điều kiện nhìn thấy của mắt.

(Ví dụ, có thể nhìn thấy các vật qua cửa kính trong nhưng không thể nhìn thấy qua cửa gỗ; ban ngày khi có ánh sáng mặt trời thì nhìn rất rõ mọi vật...)

- Hoặc cho học sinh chơi trò chơi “Hoạ sĩ mù”:

- + Yêu cầu vẽ một khuôn mặt với các nét đơn giản: 1 vòng tròn (khuôn mặt), 2 con mắt, mũi, 2 cái tai, miệng (Giáo viên vẽ mẫu trước).

- + Chọn 2 đội chơi, mỗi đội 5 học sinh. Mỗi học sinh (đã bịt mắt) lần lượt lên vẽ một chi tiết để hoàn thành khuôn mặt của đội mình. Cả lớp làm trọng tài. Đội nào vẽ nhanh, đẹp, đúng, không phạm luật thì khi mở mắt ra sẽ thắng (Các học sinh sẽ vẽ được từng chi tiết của khuôn mặt, nhưng không đúng chỗ của nó).
- Cho học sinh nhận xét và rút ra kết luận: Không có ánh sáng từ bức vẽ truyền tới mắt nên các bạn không nhìn thấy gì, do đó không vẽ được đúng.

II. THÔNG TIN PHẢN HỒI

* *Bạn có thể đối chiếu nhận xét của mình về các kế hoạch dạy học ở trên với một số nhận xét dưới đây.*

- Về mục tiêu của bài học:
 - + Mục tiêu của bài học đã nêu những yêu cầu về kiến thức, kĩ năng mà học sinh cần đạt được sau bài học. Trong đó, ghi cụ thể từng kiến thức, kĩ năng cần đạt được ở mức độ nào.
 - + Cách viết mục tiêu đã sử dụng các động từ sao cho có thể lượng hoá, kiểm tra và đánh giá được những kiến thức, kĩ năng mà học sinh thu nhận được.
- Về đồ dùng dạy học:
 - + Đồ dùng dạy học phong phú, liệt kê tất cả đồ dùng dạy học cần phải có để tổ chức tiết dạy.
 - + Đồ dùng dạy học không chỉ dành cho giáo viên mà còn phải quan tâm đến đồ dùng để học sinh học tập (bao gồm cả đồ dùng của cá nhân học sinh và đồ dùng cho nhóm học sinh).
- Đồ dùng dạy học do cả giáo viên và học sinh chuẩn bị.
- Các hoạt động dạy học:

Bài học được chia thành các hoạt động chủ yếu. Các hoạt động này được sắp xếp theo thứ tự, logic hợp lí.

Các hoạt động trong bài học được thiết kế theo hướng tích cực hoá hoạt động học tập của học sinh, đúng đặc trưng của loại bài học hình thành kiến thức mới. Giáo viên không áp đặt, không thông báo kiến thức có sẵn mà hướng dẫn học sinh tự tìm tòi, phát hiện, chủ động tự chiếm lĩnh

kiến thức. Học sinh được học tập tích cực, chủ động, hứng thú do có cơ hội bày tỏ, chia sẻ những trải nghiệm; có cơ hội thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống; có nhiều cơ hội để độc lập suy nghĩ, bày tỏ ý kiến riêng khi làm việc cá nhân; và có nhiều cơ hội phát huy năng lực hợp tác khi làm việc theo nhóm... Do đó, bài học đã được tổ chức, thiết kế thông qua các hoạt động trải nghiệm, khám phá, phát hiện của học sinh với nhiều hoạt động phong phú, được thể hiện cụ thể ở các bài học như sau:

* *Về các hoạt động dạy học trong kế hoạch bài học môn Tiếng Việt lớp 1 (Học vần – Bài 47: en, ên):*

- *Hoạt động khởi động:* Được tổ chức dưới hình thức trò chơi nhằm kích thích sự tò mò, khơi dậy hứng thú của học sinh trước khi bước vào bài học mới; tạo không khí lớp học vui vẻ.
- *Hoạt động ôn luyện những kiến thức, kĩ năng tiếng Việt đã học:* Học sinh được đọc lại những vần, tiếng, từ, câu ứng dụng đã học ở bài trước, nhằm giúp học sinh tái hiện những kiến thức, kĩ năng đã có do học sinh được học trước đó. Qua đó, giáo viên đánh giá, xác định được thực trạng (kiến thức và kĩ năng) của học sinh trước khi bước vào bài mới.
- *Hoạt động giới thiệu bài:* Giới thiệu thông tin, kiến thức và kĩ năng của bài học mới nhằm tạo hứng thú cho học sinh khi học bài mới. Bài học đã sử dụng cách giới thiệu bài (sử dụng bộ chữ *Học vần thực hành* – Thiết bị dạy học tối thiểu được trang bị cho tất cả học sinh lớp 1) dựa trên vốn ngôn ngữ, vốn hiểu biết, kinh nghiệm đã có của học sinh, nhằm kết nối những kiến thức, kĩ năng tiếng Việt học sinh đã có với kiến thức, kĩ năng tiếng Việt mà học sinh sẽ được học trong bài mới. Hoạt động này được tổ chức dưới hình thức luyện tập thực hành, học sinh tự tìm các âm đã biết trong bộ chữ *Học vần thực hành* để ghép thành vần mới sẽ học. Qua đó, học sinh tự nhận biết được vần mới sẽ học trong bài.
- *Hoạt động hướng dẫn học sinh nhận biết vần, ghép và đọc tiếng, từ mới:* Đây là hoạt động trọng tâm của bài học. Hoạt động này được tổ chức bằng cách giúp học sinh tìm tòi, khám phá, rút ra kiến thức, kĩ năng mới dưới sự gợi ý, hướng dẫn của giáo viên. Học sinh được nhận biết vần,